| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN NGÔ QUYỀN**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**<br>Bản án số: 01/2019/DS-ST<br>Ngày 09-8-2019<br>V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Mười

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hồng Đại

Ông Phạm Duy Phong

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Diệu Hương- Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Đoàn Đình Hưởng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 374/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường 8, quận 3, thành phố H.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Nguyễn Bỉnh C; chức vụ: Nhân viên của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T - chi nhánh Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 187/2019/UQ-TTT ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Phó Giám đốc Trung tâm thẻ Ngân hàng Thương mại Cổ phần T); có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị V; nơi cư trú: Số 70/212 đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/04/2011, bà Phạm Thị V có ký với Ngân hàng TMCP T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Phạm Thị V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Phạm Thị V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 80.054.778 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Phạm Thị V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 67.445.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Phạm Thị V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Phạm Thị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/10/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 08/8/2019, bà Phạm Thị Vân còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 155.669.437 đồng, cụ thể: Nợ gốc là: 47.034.899 đồng, nợ lãi quá hạn là: 108.634.538 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Phạm Thị V có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Phạm Thị V vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng: Tính đến ngày 08/8/2019, bà Phạm Thị V còn nợ tổng số tiền là 155.669.437 đồng, cụ thể: Nợ gốc là: 47.034.899 đồng, nợ lãi quá hạn là: 108.634.538 đồng. Bà Phạm Thị V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng khoản lãi phát sinh từ ngày 09/8/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Pham Thị V vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không tiến hành được việc lấy lời khai của bà Phạm Thị Vân.

Tại phiên tòa, Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 08/8/2019 tổng là 155.669.437 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm số tiền nợ gốc: 47.034.899 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là: 108.634.538 đồng. Bà Phạm Thị V

có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 09/8/2019 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bà Phạm Thị V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị V cư trú tại: Số 70/212 đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà cho thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 526830- 6188 ngày 28/4/2011 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và bà Phạm Thị V là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân số tiền 80.054.778 đồng cho bà Phạm Thị V nhưng bà V đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ các điều 388, Điều 389, Điều 471, Điều 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ các Điều 90; 91; 94; 95; 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14; đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 08/8/2019 là 155.669.437 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc: 47.034.899 đồng và tiền nợ lãi: 108.634.538 đồng. Bà Phạm Thị V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa

thuận trong hợp đồng tín dụng.

Về án phí: Bà Phạm Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

+ Về pháp luật áp dụng:

[1] Hợp đồng thẻ tín dụng số 526830- 6188 ngày 28/4/2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và bà Phạm Thị V được ký kết, thực hiện trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 khi giải quyết tranh chấp áp dụng Bộ luật Dân sự 2005.

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2] Ngân hàng Thương mại Cổ phần T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên. Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tại thời điểm thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị V cư trú tại: Số 70/212 đường Đ, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng nên theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hải Phòng.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án:

[3] Ngày 09 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền thụ lý vụ án; đến ngày 20 tháng 6 năm 2019, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2019/QĐXX-ST ngày 20/6/2019 cho bà Phạm Thị V nhưng tại phiên toà ngày 12/7/2019, bà Phạm Thị V vắng mặt lần thứ nhất không có lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên toà số 374/2019/QĐST-DS ngày 12/7/2019 và đã tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa trên cho bà Phạm Thị V. Tại phiên tòa hôm nay, bà Phạm Thị V vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vụ án vắng

mặt bị đơn bà Phạm Thị V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Hợp đồng thẻ tín dụng số 526830- 6188 ngày 28/4/2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và bà Phạm Thị V với nội dung Ngân hàng cho bà Phạm Thị V vay số tiền 50.000.000 đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Phạm Thị V đã thực hiên các giao dịch với tổng số tiền là 80.054.778 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày sử dụng thẻ đến nay bà Phạm Thị V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 67.445.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Phạm Thị V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Phạm Thị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/10/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 08/8/2019, bà Phạm Thị V còn nợ Ngân hàng tổng cộng là 155.669.437 đồng; bao gồm số tiền nợ gốc: 47.034.899 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là: 108.634.538 đồng.

[6] Hợp đồng thẻ tín dụng số 526830- 6188 ngày 28/4/2011 được ký kết giưa Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và bà Phạm Thị V, có chữ ký xác nhận của hai bên trên cơ sở tự nguyện, không bị lừa dối hay cưỡng ép, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[7] Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho bà Phạm Thị V đầy đủ số tiền vay 50.000.000 đồng vào ngày 28/4/2011. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Phạm Thị V đã thực hiên các giao dịch với tổng số tiền là 80.054.778 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày sử dụng thẻ đến nay bà Phạm Thị V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 67.445.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Phạm Thị V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Phạm Thị V vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/10/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần T khởi kiện buộc bà Phạm Thị V phải trả số tiền nợ gốc, nợ lãi để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định tại các điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên cần được chấp nhận.

[8] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T buộc bị đơn bà Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ Phần T số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 08/8/2019 là

155.669.437 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc: 47.034.899 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là: 108.634.538 đồng. Bà Phạm Thị V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng.

+ Về án phí:

[9] Bị đơn bà Phạm Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 155.669.437 đồng x 5% = 7.783.000 đồng.

+ Về quyền kháng cáo:

[10] Ngân hàng Thương mại Cổ phần T và bà Phạm Thị V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 203, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 388, Điều 389, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị V phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền nợ tính đến ngày 08/8/2019 là 155.669.437 đồng (một trăm năm mươi lăm triệu sáu trăm sáu chín nghìn, bốn trăm ba mươi bảy) đồng, bao gồm số tiền nợ gốc: 47.034.899 đồng và tiền nợ lãi quá hạn là: 108.634.538 đồng.

Bà Phạm Thị V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Về án phí: Bà Phạm Thị V phải nộp 7.783.000 (bảy triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.525.000 (ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015724 ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hải Phòng.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn bà Phạm Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Mười**